

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 1308/2016/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 02 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2016 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1113/2016/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2016.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1990; Nơi ĐKKHKT: Số 249 ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: Số 87 đường B, ấp A, xã R, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1991; Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Tạm trú: Số 87 đường B, ấp A, xã R, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 02/12/2016, Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2015, quyền số 01/2015, ngày 16/7/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị K không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1990;
Nơi ĐKKHKT: Số 249 ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Bến Tre;
Tạm trú: Số 87 đường B, ấp A, xã R, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1991;
Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh;
Tạm trú: Số 87 đường B, ấp A, xã R, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Thành N thỏa thuận chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) ông N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0005362 ngày 25/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông N được hoàn lại số tiền 100.000đ (Một trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện V,
tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C
THẨM PHÁN**